

**CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ SÀI GÒN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ SÀI GÒN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON MEDICAL SERVICES AND EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301227181

**3. Ngày thành lập:** 30/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phố Ngụ, Xã Nhân Thắng, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0358880079

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                        | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                               | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                               | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                          | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                           | 4610        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                         | 4641        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                           | 4649        |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                          | 4651        |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                           | 4652        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                              | 4659        |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                          | 4662        |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                      | 4663        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 4669        |
| 14. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa<br>- Hoạt động của các phòng khám nha khoa | 8620(Chính) |
| 15. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                   | 8699        |
| 16. | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng                                                                                                                               | 8710        |
| 17. | Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc                                                                       | 8730        |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                                                                                                    | 6619        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm                                                                                                                               | 6622 |
| 20. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                   | 6810 |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                | 7020 |
| 22. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                          | 7120 |
| 23. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                             | 7213 |
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                 | 7490 |
| 25. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |
| 26. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599 |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                 | 4791 |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 4799 |
| 29. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                | 8219 |
| 30. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                             | 3250 |
| 31. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 3290 |
| 32. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 33. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                       | 3900 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 36. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 37. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 39. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ THỊ HIỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 17/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027185008212

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bảo Ngọc, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bảo Ngọc, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ THỊ HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027185008212

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bảo Ngọc, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bảo Ngọc, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh